

UBND XÃ MINH THÁI
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ TRỰC ĐẠI

BẢN MÔ TẢ SÁNG KIẾN

**Một số giải pháp dạy học phân hóa kết hợp chuyển đổi số nhằm
phát triển năng lực đọc hiểu thơ hiện đại Việt Nam cho học sinh lớp 9**

Lĩnh vực/ cấp học: Ngữ văn/ THCS

Tác giả: Phạm Văn Hà

Trình độ chuyên môn: Đại học

Chức vụ: Giáo viên

Đơn vị công tác: Trường THCS Trục Đại, xã Minh Thái,
tỉnh Ninh Bình

Minh Thái, ngày 20 tháng 4 năm 2026

A. THÔNG TIN CHUNG**1. Tên tác giả**

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn	Chức vụ	Nơi công tác	Điện thoại	Tỷ lệ % đóng góp vào việc tạo ra sáng kiến (ghi rõ đối với từng đồng tác giả)	Chữ ký của tác giả, đồng tác giả
1	Phạm Văn Hà	07/09/1978	Đại học	Giáo viên	Trường THCS Trục Đại	0978462109	100%	

2. Tên sáng kiến: Một số giải pháp dạy học phân hóa kết hợp chuyển đổi số nhằm phát triển năng lực đọc hiểu thơ hiện đại Việt Nam cho học sinh lớp 9

3. Lĩnh vực áp dụng sáng kiến: Môn Ngữ văn

4. Thời gian áp dụng hoặc áp dụng thử của sáng kiến: Từ tháng 9/2025 đến tháng 4/2026

B. PHẦN MỞ ĐẦU

I. Lý do chọn đề tài

Trong bối cảnh triển khai Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, dạy học môn Ngữ văn đang có sự chuyển biến mạnh mẽ từ định hướng truyền thụ kiến thức sang phát triển phẩm chất và năng lực học sinh. Trong đó, năng lực đọc hiểu văn bản được xác định là năng lực cốt lõi, giữ vai trò trung tâm trong quá trình hình thành tư duy ngôn ngữ, cảm thụ thẩm mỹ và khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

Đối với thơ hiện đại Việt Nam ở lớp 9, yêu cầu phát triển năng lực đọc hiểu càng trở nên quan trọng bởi đặc trưng thể loại thơ giàu hình ảnh, giàu tính biểu cảm và hàm chứa nhiều tầng ý nghĩa. Việc tiếp cận thơ không chỉ dừng lại ở mức độ nhận biết nội dung mà còn đòi hỏi học sinh phải biết phân tích, lí giải, cảm nhận và bày tỏ quan điểm cá nhân. Đây chính là yêu cầu phù hợp với định hướng phát triển năng lực của Chương trình GDPT 2018.

- Tuy nhiên, qua thực tế giảng dạy tại Trường THCS Trục Đại, tôi nhận thấy việc dạy học đọc hiểu thơ hiện đại vẫn còn tồn tại một số hạn chế:

- Một bộ phận học sinh chưa hứng thú với việc học thơ, còn tâm lý e ngại do khó khăn trong việc cảm nhận hình ảnh và ý nghĩa sâu xa của văn bản.

- Hoạt động dạy học đọc hiểu còn thiên về tái hiện kiến thức, chưa tạo nhiều cơ hội để học sinh thể hiện suy nghĩ, cảm xúc và chính kiến cá nhân.

- Sự chênh lệch về năng lực giữa các học sinh trong cùng một lớp khá rõ rệt, trong khi việc tổ chức dạy học còn mang tính đồng loạt, chưa đáp ứng được yêu cầu dạy học phân hóa.

Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học đã được triển khai nhưng còn rời rạc, chưa thực sự hỗ trợ hiệu quả cho việc cá thể hóa hoạt động học tập và phát triển năng lực học sinh.

Để có cơ sở đánh giá khách quan thực trạng, tôi đã tiến hành khảo sát đầu năm học 2025–2026 đối với học sinh lớp 9 tại đơn vị. Kết quả thu được như sau:

- Khoảng 48% học sinh nắm được nội dung bài thơ ở mức cơ bản, chủ yếu dừng lại ở việc ghi nhớ.

- Chỉ 42% học sinh có khả năng phân tích và cảm nhận văn bản ở mức khá trở lên.

- Có tới 18% học sinh gặp khó khăn trong việc hiểu nội dung và ý nghĩa của bài thơ.

- Về mức độ tham gia học tập, chỉ khoảng 55% học sinh tích cực tham gia các hoạt động trong giờ học, số còn lại còn thụ động, ít phát biểu.

Những số liệu trên cho thấy việc dạy học đọc hiểu thơ hiện đại chưa thực sự phát huy được năng lực của học sinh, đặc biệt là năng lực cảm thụ và tư duy độc lập. Đây là một vấn đề thực tiễn cấp thiết cần được nghiên cứu và giải quyết.

Từ thực trạng đó, đặt ra yêu cầu cần có sự đổi mới đồng bộ về phương pháp dạy học theo hướng:

Tổ chức hoạt động học tập phân hóa, phù hợp với trình độ và năng lực của từng đối tượng học sinh

Tăng cường ứng dụng chuyển đổi số nhằm hỗ trợ cá thể hóa việc học và nâng cao hiệu quả tương tác

Phát triển năng lực đọc hiểu theo hướng toàn diện, gắn với thực tiễn đời sống

Xuất phát từ những cơ sở lí luận và thực tiễn nêu trên, tôi lựa chọn nghiên cứu và thực hiện sáng kiến: *“Một số giải pháp dạy học phân hóa kết hợp chuyển đổi số nhằm phát triển năng lực đọc hiểu thơ hiện đại Việt Nam cho học sinh lớp 9”*

Sáng kiến hướng tới việc xây dựng một mô hình dạy học đọc hiểu thơ hiện đại theo hướng phân hóa - tích hợp công nghệ - phát triển năng lực, góp phần nâng cao chất lượng dạy học môn Ngữ văn, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục trong giai đoạn hiện nay.

Điểm mới của sáng kiến không chỉ dừng lại ở việc vận dụng đơn lẻ các phương pháp dạy học tích cực mà còn xây dựng một mô hình dạy học tích hợp giữa phân hóa và chuyển đổi số theo hướng phát triển năng lực học sinh. Đây là cách tiếp cận có tính hệ thống, phù hợp với xu thế đổi mới giáo dục hiện nay và điều kiện thực tiễn tại đơn vị.

II. Mục tiêu, nhiệm vụ, đối tượng và phương pháp nghiên cứu

1. Mục tiêu nghiên cứu

Đề tài hướng tới mục tiêu nâng cao chất lượng dạy học đọc hiểu thơ hiện đại Việt Nam trong chương trình Ngữ văn lớp 9 theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh, thông qua việc vận dụng dạy học phân hóa kết hợp chuyển đổi số.

Mục tiêu cụ thể (có chỉ số đo lường):

- Phát triển năng lực đọc hiểu thơ hiện đại cho học sinh, cụ thể:
 - + Tăng tỉ lệ học sinh hiểu đúng nội dung văn bản từ khoảng 48% lên trên 80%
 - + Tăng tỉ lệ học sinh phân tích, cảm nhận đạt mức khá trở lên từ 42% lên trên 70%
- Nâng cao mức độ tham gia học tập:
 - + Tăng tỉ lệ học sinh tích cực tham gia hoạt động học tập từ 55% lên trên 85%
 - + Giảm sự chênh lệch trình độ trong lớp:
 - + Giảm tỉ lệ học sinh chưa hoàn thành từ 18% xuống dưới 5%
- Nâng cao hiệu quả ứng dụng công nghệ:
 - + 100% tiết dạy có sử dụng công cụ số phù hợp
 - + Trên 80% học sinh tham gia các hoạt động học tập qua nền tảng số

2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục tiêu trên, đề tài tập trung thực hiện các nhiệm vụ sau:

Nghiên cứu cơ sở lý luận về:

Dạy học phát triển năng lực

Dạy học phân hóa

Ứng dụng chuyển đổi số trong giáo dục

Khảo sát, phân tích thực trạng dạy học đọc hiểu thơ hiện đại lớp 9 tại đơn vị công tác

Xây dựng hệ thống giải pháp dạy học theo hướng:

Phân hóa đối tượng học sinh

Tích hợp công nghệ số

Phát triển năng lực đọc hiểu

Tổ chức thực nghiệm sư phạm:

Áp dụng giải pháp vào thực tế giảng dạy

Theo dõi, điều chỉnh trong quá trình thực hiện

Đánh giá kết quả thực nghiệm:

So sánh trước - sau

Rút ra kết luận về hiệu quả và tính khả thi

Đề xuất khả năng nhân rộng

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

a) Đối tượng nghiên cứu

Các giải pháp dạy học phân hóa kết hợp chuyển đổi số nhằm phát triển năng lực đọc hiểu thơ hiện đại Việt Nam cho học sinh lớp 9.

b) Khách thể nghiên cứu

Học sinh lớp 9

Hoạt động dạy học môn Ngữ văn tại Trường THCS Trục Đại

c) Phạm vi nghiên cứu

Nội dung: Dạy học đọc hiểu thơ hiện đại Việt Nam trong chương trình Ngữ văn lớp 9

Không gian: Trường THCS Trục Đại

Thời gian: Từ tháng 9/2025 đến tháng 03/2026

4. Phương pháp nghiên cứu

Đề tài sử dụng kết hợp các phương pháp nghiên cứu sau:

4.1. Phương pháp nghiên cứu lý luận

Nghiên cứu:

Chương trình GDPT 2018

Tài liệu về dạy học phát triển năng lực

Tài liệu về dạy học phân hóa

Tài liệu về chuyển đổi số trong giáo dục

4.2. Phương pháp điều tra, khảo sát thực tiễn

Tiến hành khảo sát thông qua:

Phiếu hỏi học sinh

Quan sát giờ học

Trao đổi với giáo viên

4.3. Phương pháp thực nghiệm sư phạm

Tổ chức áp dụng các giải pháp trong dạy học thực tế

Tiến hành ở các lớp 9

Theo dõi, điều chỉnh trong quá trình triển khai

4.4. Phương pháp thống kê, xử lý số liệu

Thu thập dữ liệu trước và sau thực nghiệm

Sử dụng: Tỷ lệ phần trăm; Bảng so sánh

4.5. Phương pháp phân tích - tổng hợp - so sánh

Phân tích kết quả thu được

So sánh trước - sau khi áp dụng

Tổng hợp dữ liệu để rút ra kết luận

III. THỰC TRẠNG TRƯỚC KHI ÁP DỤNG SÁNG KIẾN

1. Thuận lợi

Trong quá trình giảng dạy môn Ngữ văn lớp 9 tại Trường THCS Trục Đại, việc đổi mới phương pháp dạy học nhận được nhiều điều kiện thuận lợi từ phía nhà trường, giáo viên và học sinh.

Trước hết, nhà trường luôn quan tâm chỉ đạo thực hiện đổi mới dạy học theo định hướng phát triển năng lực học sinh. Hoạt động sinh hoạt chuyên môn được duy trì thường xuyên, tạo môi trường trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm giữa các giáo viên, góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy.

Bên cạnh đó, bản thân giáo viên có ý thức tự học, tự bồi dưỡng, chủ động tiếp cận các phương pháp dạy học tích cực, từng bước tìm hiểu và vận dụng dạy học phân hóa cũng như ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy.

Ngoài ra, đa số học sinh đã được trang bị các thiết bị học tập cơ bản như điện thoại thông minh hoặc máy tính, tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai các hoạt động học tập có ứng dụng công nghệ và chuyên đổi số.

2. Khó khăn

Bên cạnh những thuận lợi, thực tế giảng dạy cho thấy còn tồn tại nhiều khó khăn ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả dạy học, đặc biệt đối với nội dung thơ hiện đại Việt Nam.

Trước hết, một bộ phận học sinh còn có tâm lý e ngại khi học thơ do đặc trưng ngôn ngữ giàu tính biểu cảm, hàm súc, đòi hỏi khả năng liên tưởng và cảm nhận tinh tế. Điều này khiến các em dễ tiếp nhận bài học theo hướng thụ động, ít tham gia phát biểu hoặc bày tỏ quan điểm cá nhân.

Thứ hai, sự chênh lệch về năng lực giữa các học sinh trong cùng một lớp khá rõ rệt. Trong khi một số học sinh có khả năng cảm thụ tốt, biết phân tích và liên hệ thì vẫn còn nhiều em gặp khó khăn trong việc nắm bắt nội dung cơ bản của văn bản. Điều này gây trở ngại trong việc tổ chức dạy học theo một tiến trình chung.

Bên cạnh đó, giáo viên chưa xây dựng được hệ thống giải pháp dạy học phân hóa một cách bài bản và đồng bộ, dẫn đến việc tổ chức hoạt động học tập chưa thực sự đáp ứng được nhu cầu đa dạng của học sinh.

3. Nguyên nhân

Những khó khăn nêu trên xuất phát từ một số nguyên nhân chủ yếu:

Thứ nhất, phương pháp dạy học vẫn còn chịu ảnh hưởng của lối dạy truyền thống, thiên về truyền đạt kiến thức, chưa chú trọng đúng mức đến việc tổ chức cho học sinh chủ động khám phá, trải nghiệm và hình thành năng lực.

Thứ hai, tài liệu hướng dẫn cụ thể về dạy học phân hóa trong môn Ngữ văn, đặc biệt đối với nội dung thơ hiện đại, còn hạn chế, khiến giáo viên gặp khó khăn trong việc thiết kế hoạt động phù hợp với từng đối tượng học sinh.

Thứ ba, việc ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học tuy đã được triển khai nhưng còn mang tính hỗ trợ hình thức (trình chiếu), chưa khai thác hiệu quả trong việc tổ chức hoạt động học tập, tăng cường tương tác và cá thể hóa quá trình học của học sinh.

4. Kết luận thực trạng

Từ những phân tích trên có thể thấy, việc dạy học đọc hiểu thơ hiện đại Việt Nam lớp 9 vẫn còn nhiều hạn chế cả về phương pháp tổ chức và hiệu quả tiếp nhận của học sinh. Điều này đặt ra yêu cầu cần có những giải pháp đổi mới mang tính hệ thống, trong đó kết hợp dạy học phân hóa với ứng dụng chuyên đổi số nhằm đáp ứng sự đa dạng về năng lực người học, đồng thời nâng cao chất lượng và hiệu quả của quá trình dạy học.

Năm học 2025-2026, sáng kiến được triển khai thực nghiệm tại lớp 9A và 9B Trường THCS Trục Đại với tổng số 78 học sinh.

Trong đó:

Học sinh khá, giỏi: 32 em

Học sinh Đạt: 36 em

Học sinh còn hạn chế năng lực đọc hiểu: 10 em

C. PHẦN NỘI DUNG

I. Mô tả giải pháp đã biết

Trước khi triển khai nghiên cứu, hoạt động dạy học đọc hiểu thơ hiện đại Việt Nam lớp 9 tại trường THCS Trục Đại chủ yếu vận hành theo mô hình “lấy giáo viên làm trung tâm”. Tiến trình bài dạy thường tuân thủ nghiêm ngặt các bước: Giới thiệu tác giả - Đọc văn bản - Phân tích chi tiết (theo dòng thơ/khổ thơ) - Tổng kết.

Về phương pháp: Giáo viên sử dụng hệ thống câu hỏi vấn đáp trực tiếp, tập trung vào việc giải mã lớp vỏ ngôn từ và nội dung bề nổi của tác phẩm. Việc phân tích thường dựa trên các bài mẫu hoặc gợi ý có sẵn trong Sách giáo khoa và Sách giáo viên.

Về hình thức tổ chức: Hoạt động học tập diễn ra chủ yếu tại lớp dưới dạng nghe giảng và ghi chép. Việc tương tác giữa học sinh với nhau (thảo luận nhóm) còn mang tính hình thức, chưa đi sâu vào việc tranh biện hoặc cảm thụ cá nhân.

Về ứng dụng công nghệ: Đã sử dụng bài giảng điện tử (Powerpoint), tuy nhiên mới dừng lại ở mức độ thay thế bảng đen bằng màn hình để trình chiếu chữ và hình ảnh minh họa tĩnh. Các nền tảng số hỗ trợ kiểm tra, đánh giá hay cá thể hóa việc học chưa được đưa vào sử dụng.

2. Những ưu điểm của giải pháp hiện hành

Tính ổn định: Đảm bảo truyền tải đầy đủ kiến thức trọng tâm theo khung chương trình, giúp học sinh nắm vững các đơn vị kiến thức cơ bản để phục vụ thi cử.

Tính trực quan: Việc sử dụng Powerpoint bước đầu đã cải thiện được tính thẩm mỹ của bài giảng, giúp tiết dạy bớt đơn điệu hơn so với phương pháp đọc - chép truyền thống.

3. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

Hạn chế	Nguyên nhân
Tính đồng loạt cao, thiếu sự phân hóa: Học sinh có năng lực khác nhau nhưng cùng thực hiện một nhiệm vụ như nhau. Học sinh yếu dễ bỏ cuộc, học sinh giỏi cảm thấy bài học thiếu sự bút phá.	Do giáo viên chưa thiết kế được hệ thống nhiệm vụ học tập đa tầng bậc và chưa có công cụ để quản lý lộ trình học tập riêng biệt cho từng đối tượng.

Ứng dụng CNTT còn ở mức “bề mặt”: Công nghệ chưa đóng vai trò là công cụ tương tác hay phương tiện để học sinh tự kiến tạo kiến thức.	Do nhận thức về Chuyển đổi số còn hạn hẹp (chỉ coi CNTT là phương tiện trình chiếu) và thiếu kỹ năng khai thác các phần mềm giáo dục chuyên sâu.
Năng lực đọc hiểu chưa thực chất: Học sinh thường “đọc lại” ý hiểu của giáo viên thay vì “đọc ra” ý nghĩa của văn bản bằng tư duy độc lập.	Do phương pháp dạy học thiên về áp đặt kết quả cảm thụ, thiếu không gian cho sự sáng tạo và trải nghiệm thực tế của người học.
Mức độ tương tác thấp: Việc phản hồi kết quả học tập thường có độ trễ cao, giáo viên khó nắm bắt được mức độ hiểu bài của từng cá nhân ngay trong tiết học.	Thiếu các công cụ đánh giá trực tuyến (Real-time assessment) để thu thập dữ liệu học tập tức thời.

4. Sự cần thiết của việc hình thành giải pháp mới

Từ thực trạng tại trường THCS Trục Đại, để đáp ứng yêu cầu của Chương trình GDPT 2018 và định hướng Chuyển đổi số của ngành giáo dục tỉnh Ninh Bình, việc thay đổi phương pháp dạy học là cấp thiết. Cần một giải pháp không chỉ đổi mới về hình thức mà phải thay đổi từ gốc rễ cách tiếp cận: *Sử dụng nền tảng số làm “đòn bẩy” để thực hiện hóa dạy học phân hóa.*

Định hướng mới của sáng kiến sẽ tập trung vào:

1. Số hóa minh chứng và dữ liệu học tập: Sử dụng các nền tảng trực tuyến để lưu vết quá trình tiến bộ của học sinh.
2. Cấu trúc lại hệ thống câu hỏi: Xây dựng ma trận nhiệm vụ phù hợp với 4 mức độ nhận thức (Nhận biết - Thông hiểu - Vận dụng - Vận dụng cao) tích hợp trên các công cụ số.
3. Tăng cường tính trải nghiệm: Học sinh không chỉ đọc thơ mà còn “làm mới” thơ thông qua các sản phẩm sáng tạo số (Infographic, Podcast, Video clip).

II. Nội dung các giải pháp mới; Tính mới, tính sáng tạo; Hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng của sáng kiến

1. Nội dung các giải pháp mới

1.1. Giải pháp 1: Xây dựng hệ thống câu hỏi đọc hiểu phân hóa theo năng lực học sinh

a. Mục tiêu và tính mới của giải pháp

Trong quá trình dạy học đọc hiểu thơ hiện đại Việt Nam lớp 9, tôi nhận thấy năng lực tiếp nhận văn bản của học sinh còn chưa đồng đều. Nhiều học sinh gặp khó khăn trong việc cảm thụ hình ảnh thơ, phân tích ý nghĩa biểu tượng và diễn đạt suy nghĩ cá nhân. Nếu giáo viên sử dụng cùng một hệ thống câu hỏi cho toàn lớp sẽ dẫn đến tình trạng:

- Học sinh còn hạn chế về năng lực thiếu tự tin, ít tham gia hoạt động học tập;
- Học sinh khá, giỏi chưa có điều kiện phát huy khả năng tư duy, sáng tạo và cảm thụ văn học;
- Giờ học Ngữ văn dễ trở nên đơn điệu, thiên về ghi nhớ kiến thức và tiếp nhận thụ động.

Xuất phát từ thực tế đó, tôi xây dựng giải pháp “Hệ thống câu hỏi đọc hiểu phân hóa theo năng lực học sinh” nhằm:

- Phát huy tính tích cực, chủ động của học sinh trong quá trình đọc hiểu văn bản;
- Tạo cơ hội để mọi đối tượng học sinh được tham gia hoạt động học tập phù hợp với năng lực của bản thân;
- Phát triển năng lực đọc hiểu, cảm thụ văn học, tư duy phản biện và khả năng giao tiếp;
- Hình thành cho học sinh thói quen tự khám phá, liên hệ và vận dụng kiến thức vào thực tiễn đời sống.

*** Tính mới của giải pháp**

Điểm mới của giải pháp không chỉ ở việc sử dụng các phần mềm dạy học mà còn ở cách kết hợp đồng bộ nhiều công cụ số để tạo môi trường học tập tương tác, hỗ trợ học sinh tham gia chủ động vào quá trình đọc hiểu văn bản.

Hệ thống câu hỏi được thiết kế theo:

- Tiến trình đọc hiểu văn bản: trước khi đọc – trong khi đọc – sau khi đọc;
- Các mức độ tư duy từ nhận biết, thông hiểu đến vận dụng và vận dụng cao;
- Định hướng phát triển phẩm chất, năng lực theo Chương trình GDPT 2018.

Bên cạnh việc trả lời câu hỏi, học sinh còn được thực hiện các nhiệm vụ học tập như:

- Thảo luận nhóm;
- Trình bày quan điểm cá nhân;
- Viết đoạn cảm nhận;
- Thiết kế sơ đồ tư duy;
- Liên hệ và vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

Thông qua đó, học sinh không chỉ tiếp nhận kiến thức mà còn chủ động khám phá văn bản, hình thành tư duy đọc hiểu và phát triển khả năng cảm thụ văn học một cách tự nhiên, tích cực.

b. Nội dung và cách thực hiện giải pháp

b.1. Xác định yêu cầu cần đạt và phân loại đối tượng học sinh

Trước khi thiết kế hệ thống câu hỏi, giáo viên căn cứ vào: yêu cầu cần đạt của Chương trình GDPT 2018; đặc trưng thể loại thơ hiện; đại; trình độ nhận thức của học sinh trong lớp.

Từ đó chia nhiệm vụ học tập thành các mức:

Nhận biết; Thông hiểu; Vận dụng; Vận dụng cao.

Đồng thời phân loại học sinh theo nhóm: Nhóm chưa đạt; Nhóm đạt; Nhóm khá; Nhóm giỏi.

Việc phân hóa này giúp học sinh được tiếp cận những nhiệm vụ phù hợp với năng lực, tránh tâm lý tự ti hoặc quá tải.

b.2. Thiết kế hệ thống câu hỏi theo tiến trình đọc hiểu

*** Hoạt động trước khi đọc**

Giáo viên sử dụng các câu hỏi gợi mở nhằm giúp học sinh:

- Liên hệ với hiểu biết và trải nghiệm của bản thân;
- Dự đoán nội dung văn bản;
- Tạo hứng thú trước khi tìm hiểu bài học.

Mục đích của hoạt động này là giúp học sinh có tâm thế chủ động khi tiếp cận văn bản.

Ví dụ: Quan sát hình ảnh người lính thời kháng chiến và người lính hôm nay. Theo em, họ có những điểm gì giống nhau?

*** Hoạt động trong khi đọc**

Hệ thống câu hỏi được xây dựng phù hợp với từng nhóm đối tượng học sinh nhằm tạo điều kiện cho tất cả học sinh đều được tham gia hoạt động học tập.

Đối với học sinh mức độ cơ bản

Giáo viên sử dụng các câu hỏi yêu cầu: tìm chi tiết; nhận biết hình ảnh; nêu nội dung trong văn bản.

Ví dụ: Tìm những chi tiết thể hiện hoàn cảnh xuất thân của người lính trong bài thơ “Đồng chí” của nhà thơ Chính Hữu.

Đối với học sinh khá, giỏi

Giáo viên sử dụng các câu hỏi yêu cầu học sinh: phân tích; giải thích; nhận xét; liên hệ thực tế.

Ví dụ: Hình ảnh “Đầu súng trăng treo” gợi cho em suy nghĩ gì về vẻ đẹp của người lính trong thời kì kháng chiến?

*** Hoạt động sau khi đọc**

Sau khi đọc hiểu văn bản, giáo viên tổ chức cho học sinh thực hiện các hoạt động:

- Viết cảm nhận;

- Trình bày ý kiến cá nhân;
- Liên hệ với thực tế cuộc sống;
- Thảo luận và chia sẻ suy nghĩ.

Ví dụ: Viết đoạn văn trình bày suy nghĩ của em về tình đồng chí trong cuộc sống hiện nay.

Thông qua các hoạt động này, học sinh được:

- Mạnh dạn bày tỏ quan điểm cá nhân;
- Phát triển khả năng giao tiếp;
- Rèn luyện tư duy sáng tạo và khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

c. Minh chứng thực hiện giải pháp

Minh chứng 1. Hệ thống câu hỏi đọc hiểu phân hóa trong bài “Tiếng Việt”

- Lưu Quang Vũ

Nhóm học sinh	Nhiệm vụ học tập
Học sinh còn hạn chế	Xác định thể thơ, đối tượng trữ tình
Học sinh mức Đạt	Phân tích hình ảnh và biện pháp tu từ
Học sinh khá	Liên hệ tình cảm của bản thân với tiếng mẹ đẻ
Học sinh giỏi	So sánh tình yêu tiếng Việt với một tác phẩm khác

(Chi tiết xem Phụ lục 2)

Minh chứng 2. Phiếu học tập định hướng tiếp nhận văn bản

Trước khi đọc văn bản, giáo viên tổ chức cho học sinh hoàn thành phiếu học tập nhằm:

- Khơi gợi hiểu biết ban đầu;
- Dự đoán nội dung văn bản;
- Tạo hứng thú học tập cho học sinh. Ví dụ:

Nội dung	Suy nghĩ ban đầu của học sinh
Nhan đề “tiếng Việt”	Gợi vẻ đẹp ngôn ngữ dân tộc
Tác giả Lưu Quang Vũ	Nhà thơ giàu cảm xúc, yêu quê hương và văn hóa dân tộc
Thể thơ tám chữ	Có nhịp điệu mềm mại, dễ bộc lộ cảm xúc

(Chi tiết xem Phụ lục 1)

Minh chứng 3. Sản phẩm học tập của học sinh

Sau hoạt động đọc hiểu, học sinh thực hiện: Sơ đồ tư duy; Poster cảm nhận; Đoạn văn phản hồi; Bài thuyết trình nhóm.

Kết quả cho thấy: Học sinh tích cực tham gia hơn; Khả năng cảm thụ văn học được cải thiện rõ rệt; Nhiều học sinh mạnh dạn trình bày ý kiến cá nhân trước tập thể.

d. Kết quả đạt được

Sau khi áp dụng giải pháp, chất lượng giờ học Ngữ văn có nhiều chuyển biến tích cực.

Bảng so sánh kết quả trước và sau áp dụng giải pháp

Nội dung đánh giá	Trước áp dụng	Sau áp dụng
Học sinh hứng thú học tập	55%	90%
Học sinh chủ động thảo luận	45%	88%
Học sinh trả lời được câu hỏi vận dụng	40%	82%
Học sinh mạnh dạn trình bày ý kiến	50%	85%
Học sinh biết liên hệ thực tế	38%	80%

Kết quả cho thấy:

- Học sinh tích cực và tự tin hơn trong quá trình học tập;
- Năng lực đọc hiểu và cảm thụ văn học được nâng cao;
- Khoảng cách trình độ giữa các nhóm học sinh được thu hẹp rõ rệt.

e. Đánh giá tính ưu việt của giải pháp

Giải pháp đã góp phần:

- Khắc phục cách dạy học thiên về giảng giải một chiều;
- Tạo môi trường học tập tích cực, phát huy vai trò chủ động của học sinh;
- Giúp giáo viên thuận lợi hơn trong việc tổ chức hoạt động học tập phù hợp với từng đối tượng học sinh.

Đặc biệt, hệ thống câu hỏi phân hóa:

- Dễ áp dụng trong thực tế giảng dạy;
- Có thể sử dụng linh hoạt với nhiều văn bản thơ hiện đại;
- Phù hợp với định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh theo Chương trình GDPT 2018.

Giải pháp có thể triển khai hiệu quả đối với:

- Các văn bản thơ hiện đại khác trong chương trình Ngữ văn THCS;
- Các hoạt động ôn tập, luyện tập và kiểm tra đánh giá;
- Nhiều đối tượng học sinh ở các khối lớp THCS.

1.2. Giải pháp 2: Ứng dụng công nghệ số xây dựng môi trường học tập tương tác trong dạy học đọc hiểu thơ hiện đại.

a. Mục tiêu và tính mới của biện pháp

Trong dạy học đọc hiểu thơ hiện đại Việt Nam lớp 9, việc ứng dụng công nghệ thông tin trước đây chủ yếu dừng ở mức trình chiếu nội dung bài học, chưa tạo được môi trường học tập tương tác và chưa phát huy vai trò chủ động của học sinh.

Xuất phát từ thực tế đó, tôi xây dựng giải pháp: “Ứng dụng công nghệ số xây dựng môi trường học tập tương tác trong dạy học đọc hiểu thơ hiện đại” nhằm chuyển đổi vai trò của công nghệ từ công cụ hỗ trợ sang môi trường tổ chức hoạt động học tập.

*** Giải pháp hướng tới các mục tiêu:**

- Tăng cường sự tương tác giữa giáo viên và học sinh trong quá trình đọc hiểu văn bản thơ.
- Hỗ trợ tổ chức dạy học phân hóa thông qua các nền tảng số.
- Phát huy tính chủ động, sáng tạo của học sinh.
- Phát triển đồng thời năng lực đọc hiểu và năng lực số cho học sinh.

*** Tính mới của biện pháp**

Điểm mới của giải pháp không nằm ở việc sử dụng riêng lẻ các phần mềm dạy học mà ở việc tổ chức đồng bộ các công cụ số thành một hệ sinh thái học tập tương tác.

Giáo viên không chỉ sử dụng công nghệ để truyền tải kiến thức mà còn:

- Khai thác dữ liệu học tập theo thời gian thực,
- Theo dõi mức độ tham gia của học sinh,
- Hỗ trợ cá thể hóa nhiệm vụ học tập,
- Điều chỉnh hoạt động dạy học phù hợp với từng nhóm đối tượng.

Qua đó, công nghệ trở thành công cụ phát triển năng lực thay vì chỉ là phương tiện hỗ trợ trình chiếu.

b. Quy trình thực hiện giải pháp

Bước 1. Xây dựng kho học liệu số phục vụ dạy học

Giáo viên chủ động thiết kế và sưu tầm học liệu số phù hợp với từng bài học, bao gồm:

- Video giới thiệu tác giả, hoàn cảnh sáng tác;

- Infographic hệ thống nội dung;
- Sơ đồ tư duy;
- Podcast đọc diễn cảm;
- Phiếu học tập điện tử;
- Mã QR liên kết học liệu.

Các học liệu được lưu trữ trên Google Drive, Padlet hoặc mã QR để học sinh có thể truy cập linh hoạt trước, trong và sau giờ học.

Minh chứng:

Phụ lục 3: Mã QR kho học liệu số bài “Đồng chí” - Chính Hữu.

Phụ lục 4: Infographic giới thiệu văn bản “Viếng lăng Bác” - Viễn Phương.

Phụ lục 5: Podcast đọc diễn cảm bài thơ “Tiếng Việt” - Lưu Quang Vũ.

Việc xây dựng kho học liệu số giúp:

- Mở rộng không gian học tập;
- Tăng khả năng tự học;
- Hỗ trợ học sinh học theo tốc độ phù hợp với năng lực cá nhân.

Bước 2. Tổ chức hoạt động tương tác trên nền tảng số

Trong quá trình dạy học, giáo viên sử dụng: Quizizz, Kahoot, Wordwall, Liveworksheets, Google Forms, Padlet,... để tổ chức: khởi động, khám phá văn bản, luyện tập, vận dụng.

Các hoạt động được thiết kế theo hướng trò chơi hóa nhằm tăng hứng thú học tập cho học sinh.

Thông qua chức năng thống kê kết quả tự động, giáo viên có thể:

- Xác định nội dung học sinh còn hạn chế;
- Phát hiện nhóm câu hỏi có tỉ lệ sai cao;
- Hỗ trợ học sinh ngay trong tiết học.

Minh chứng:

Phụ lục 6: Hình ảnh hoạt động Quizizz trong bài “Bài thơ về tiểu đội xe không kính”.

Phụ lục 7: Kết quả thống kê tự động trên Google Forms.

Phụ lục 8: Padlet thảo luận nhóm của học sinh.

Bước 3. Tổ chức hoạt động sáng tạo số

Sau khi đọc hiểu văn bản, học sinh được giao thực hiện các sản phẩm học tập phù hợp với năng lực cá nhân như:

- Thiết kế poster cảm nhận bằng Canva;

- Xây dựng sơ đồ tư duy số;
- Ghi âm podcast đọc diễn cảm;
- Thiết kế video ngắn giới thiệu tác phẩm;
- Trình bày cảm nhận bằng infographic hoặc slide.

Minh chứng:

Phụ lục 9: Poster số cảm nhận bài “Tiếng Việt”.

Phụ lục 10: Sản phẩm sơ đồ tư duy số của học sinh.

Phụ lục 11: Video cảm nhận văn bản “Đồng chí”.

Hoạt động này giúp học sinh:

- Tăng khả năng vận dụng kiến thức;
- Phát triển tư duy sáng tạo;
- Rèn kỹ năng hợp tác;
- Phát triển năng lực sử dụng công nghệ trong học tập.

Bước 4. Theo dõi, đánh giá và phản hồi qua dữ liệu học tập số

Giáo viên sử dụng: Google Sheets, Google Classroom, Padlet,... để: Theo dõi tiến độ học tập; Quản lý sản phẩm học sinh; Phản hồi thường xuyên.

Học sinh được: Tự đánh giá, Đánh giá chéo, Chỉnh sửa và hoàn thiện sản phẩm.

Thông qua dữ liệu học tập số, giáo viên có cơ sở:

- Đánh giá mức độ tiến bộ của từng học sinh;
- Điều chỉnh nội dung và hình thức tổ chức dạy học;
- Hỗ trợ học sinh theo hướng cá thể hóa.

c. Minh chứng thực nghiệm

Giải pháp được áp dụng trong dạy học các văn bản: “Đồng chí” - Chính Hữu; “Bài thơ về tiểu đội xe không kính” - Phạm Tiến Duật; “Viếng lăng Bác” – Viễn Phương; “Tiếng Việt” - Lưu Quang Vũ; ...

Đường link bài “Đồng chí” của nhà thơ Chính Hữu:

https://drive.google.com/file/d/1avlwXtvwv14_gznufPe4U7c-IIWefyAU/view?usp=sharing

Đường link bài “Bài thơ về tiểu đội xe không kính” của nhà thơ Phạm Tiến Duật:

<https://drive.google.com/file/d/19BB-HaXLnfxubYL09uPEeDAsEERtHVET/view?usp=sharing>

Kết quả triển khai:

Hoạt động	Công cụ sử dụng	Kết quả đạt được
-----------	-----------------	------------------

Khởi động	Video, Padlet	90% học sinh tham gia phản hồi
Khám phá văn bản	QR code, timeline số	Học sinh chủ động tìm hiểu tư liệu
Luyện tập	Quizizz, Liveworksheets	Tăng tương tác, phát hiện lỗi sai nhanh
Vận dụng	Canva, CapCut	Học sinh tạo nhiều sản phẩm sáng tạo

Kết quả thực tế:

Học sinh tích cực hơn trong giờ học.

Tăng khả năng trình bày ý kiến cá nhân.

Học sinh tự tin hơn khi tham gia hoạt động học tập.

Năng lực số và năng lực đọc hiểu được cải thiện rõ rệt.

d. Điểm mới và tính sáng tạo của giải pháp

Giải pháp có các điểm đổi mới nổi bật:

Thứ nhất, tích hợp dữ liệu học tập vào dạy học phân hóa

Giáo viên theo dõi tiến trình học tập thông qua dữ liệu trực tuyến để:

Phân loại học sinh,

Điều chỉnh nhiệm vụ,

Hỗ trợ cá nhân hóa hoạt động học tập.

Thứ hai, chuyển từ tiếp nhận kiến thức sang kiến tạo sản phẩm

Học sinh không chỉ trả lời câu hỏi mà còn trực tiếp tạo ra các sản phẩm số thể hiện cảm nhận và tư duy cá nhân.

Thứ ba, phát triển đồng thời năng lực ngôn ngữ và năng lực số

Thông qua các hoạt động học tập số, học sinh được rèn luyện:

- Kỹ năng tìm kiếm thông tin;
- Kỹ năng thiết kế và trình bày;
- Kỹ năng giao tiếp và hợp tác trực tuyến.

e. Hiệu quả và tính ưu việt của giải pháp

Sau quá trình triển khai:

- Học sinh hứng thú hơn với giờ học Ngữ văn.
- Tăng mức độ tương tác trong lớp học.

- Học sinh trung bình, yếu tự tin hơn khi tham gia hoạt động.
- Học sinh khá, giỏi có cơ hội phát huy năng lực sáng tạo.
- Giáo viên thuận lợi trong theo dõi và đánh giá năng lực học sinh.

Kho học liệu số được xây dựng có thể:

- Tiếp tục cập nhật,
- Tái sử dụng lâu dài,
- Chia sẻ trong tổ chuyên môn,
- Phù hợp với định hướng chuyển đổi số giáo dục hiện nay.

1.3. Giải pháp 3: Tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo nhằm phát triển năng lực cảm thụ văn học cho học sinh

a. Mục tiêu và ý nghĩa của biện pháp

Giải pháp này hướng tới việc đổi mới không gian và hình thức tổ chức dạy học Ngữ văn theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh trong Chương trình GDPT 2018. Thay vì coi lớp học chỉ là nơi tiếp nhận kiến thức, giáo viên tổ chức lớp học như một “diễn đàn trải nghiệm”, nơi học sinh được tham gia, tương tác, sáng tạo và bộc lộ cảm xúc cá nhân trong quá trình đọc hiểu thơ hiện đại.

Mục tiêu cốt lõi của giải pháp là giúp học sinh:

- Chủ động khám phá và cảm thụ văn bản bằng trải nghiệm cá nhân;
- Phát triển năng lực giao tiếp, hợp tác, thuyết trình và phản biện;
- Hình thành năng lực sáng tạo thông qua các sản phẩm học tập đa dạng;
- Gắn nội dung thơ hiện đại với thực tiễn đời sống và cảm xúc của thế hệ trẻ hôm nay.

Qua khảo sát thực tế tại các lớp 9A, 9B đầu năm học 2025-2026, tôi nhận thấy nhiều học sinh còn:

- Ngại phát biểu cảm nhận cá nhân;
- Học thơ theo lối ghi nhớ máy móc;
- Chưa biết liên hệ giá trị tác phẩm với thực tiễn cuộc sống;
- Thiếu hứng thú với giờ học đọc hiểu thơ hiện đại.

Tỉ lệ học sinh mạnh dạn trình bày cảm nhận chỉ đạt khoảng 50%; số học sinh chủ động tham gia hoạt động nhóm đạt khoảng 45%.

Xuất phát từ thực tế đó, tôi xây dựng giải pháp tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo nhằm tạo môi trường học tập mở, giúp học sinh “sống cùng tác phẩm”, từ đó phát triển năng lực cảm thụ văn học và năng lực giao tiếp, hợp tác, sáng tạo.

*** Tính mới của biện pháp**

Điểm mới của giải pháp là chuyển hình thức học tập từ:

- “Nghe - ghi - trả lời” sang “trải nghiệm - kiến tạo - trình diễn sản phẩm”;
- “Tiếp nhận thụ động” sang “tham gia và đồng sáng tạo”.

Không gian lớp học được mở rộng theo hướng linh hoạt, đa hoạt động, kết hợp giữa học tập trực tiếp với môi trường số, giúp học sinh được thể hiện năng lực cá nhân bằng nhiều hình thức khác nhau như: diễn xướng, thiết kế poster, xây dựng video, podcast, nhật ký cảm xúc,...

b. Quy trình thực hiện

(Mô hình 4 pha: Thiết kế - Trải nghiệm - Kết nối - Đánh giá)

b.1. Thiết kế nhiệm vụ trải nghiệm mang tính mở

Giáo viên xây dựng các nhiệm vụ học tập theo hướng mở, không áp đặt một đáp án duy nhất nhằm tạo điều kiện cho học sinh được bày tỏ cảm xúc và chính kiến cá nhân.

Các nhiệm vụ được thiết kế:

- Gắn với nội dung và cảm xúc của văn bản;
- Có tính thực tiễn, gần gũi với trải nghiệm của học sinh;
- Phân hóa theo năng lực và sở trường của từng nhóm đối tượng.

Ví dụ:

- “Nếu em là người lính trong bài thơ “Đồng chí”, em sẽ viết gì vào cuốn nhật ký đêm nay?”
- “Hãy thiết kế một thông điệp tuổi trẻ gửi tới thế hệ cha anh qua bài thơ “Bài thơ về tiểu đội xe không kính.”
- “Nếu được chuyển thể bài thơ “Viếng lăng Bác” thành video ngắn, em sẽ lựa chọn hình ảnh và âm thanh như thế nào?”

Minh chứng 1. Phiếu giao nhiệm vụ trải nghiệm

Văn bản: “Đồng chí” - Chính Hữu

Nhóm học sinh	Nhiệm vụ trải nghiệm	Sản phẩm
Nhóm cơ bản	Viết nhật ký 5 dòng của người lính trong đêm phục kích	Nhật ký cảm xúc
Nhóm khá	Thiết kế sơ đồ tư duy về vẻ đẹp tình đồng chí	Sơ đồ tư duy Canva
Nhóm giỏi	Viết thông điệp gửi thế hệ trẻ hôm nay từ hình tượng người lính	Poster số / Video ngắn

Thông qua các nhiệm vụ này, học sinh được đặt vào tình huống nhập vai, từ đó hiểu sâu hơn giá trị nội dung và cảm xúc của tác phẩm.

Minh chứng: Phụ lục 3: Phiếu giao nhiệm vụ trải nghiệm sáng tạo

b.2. Tổ chức các “Trạm trải nghiệm”

Giáo viên tổ chức lớp học thành các khu vực hoạt động nhằm tạo môi trường học tập tích cực và tăng cường tương tác giữa học sinh với văn bản.

Các trạm trải nghiệm gồm:

*** Trạm diễn xướng**

Học sinh:

- Ngâm thơ;
- Đóng vai nhân vật;
- Chuyển thể đoạn thơ thành tiểu phẩm hoặc hoạt cảnh ngắn.

Hoạt động này giúp học sinh:

- Cảm nhận nhịp điệu, giọng điệu và cảm xúc của bài thơ;
- Phát triển khả năng biểu đạt ngôn ngữ và sự tự tin trước tập thể.

*** Trạm hội họa và sáng tạo số**

Học sinh:

- Thiết kế poster;
- Vẽ sơ đồ tư duy;
- Tạo tranh minh họa hoặc infographic bằng Canva.

Thông qua hoạt động này, học sinh được:

- Chuyển hóa cảm xúc văn học thành hình ảnh trực quan;
- Phát triển năng lực thẩm mỹ và năng lực công nghệ số.

*** Trạm phản biện - kết nối**

Học sinh:

- Thảo luận nhóm;
- Tranh luận về một hình ảnh thơ hoặc thông điệp tác phẩm;
- Liên hệ nội dung bài thơ với thực tiễn đời sống.

Ví dụ: “Hình ảnh ‘xe không kính’ thể hiện tinh thần vượt khó như thế nào trong cuộc sống hôm nay?”

- “Theo em, tình đồng chí trong chiến tranh có còn ý nghĩa với giới trẻ hiện nay không?”

Qua đó, học sinh được rèn luyện:

- Kỹ năng giao tiếp;
- Kỹ năng phản biện;

- Năng lực vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

b.3. Công bố sản phẩm và “Triển lãm tri thức”

Sau quá trình trải nghiệm, học sinh trình bày sản phẩm học tập trước lớp hoặc trên nền tảng số như Padlet, Canva, Google Classroom,...

Các sản phẩm có thể gồm:

- Video cảm nhận;
- Poster nghệ thuật;
- Podcast đọc thơ;
- Nhật ký nhập vai;
- Sơ đồ tư duy số;
- Slide thuyết trình.

Giáo viên tổ chức:

- Trưng bày sản phẩm;
- Cho học sinh đánh giá chéo;
- Bình chọn sản phẩm sáng tạo và có ý nghĩa nhất.

Hoạt động này giúp:

- Tăng cường động lực học tập;
- Khuyến khích sự sáng tạo;
- Hình thành kỹ năng thuyết trình và bảo vệ quan điểm cá nhân.

Trong quá trình tổ chức, giáo viên chia lớp thành 3-4 nhóm hoạt động luân phiên theo thời gian quy định.

Minh chứng 2. Sơ đồ tổ chức trạm trải nghiệm

Trạm	Nội dung hoạt động	Công cụ hỗ trợ
Trạm diễn xướng	Ngâm thơ, nhập vai	Micro, nhạc nền
Trạm sáng tạo số	Thiết kế poster thơ	Canva
Trạm phản biện	Thảo luận tình huống	Padlet
Trạm cảm xúc	Viết nhật ký văn học	Google Forms

b.4. Tổng kết - định hướng giá trị sống

Ở giai đoạn cuối, giáo viên không chỉ hệ thống kiến thức mà còn định hướng cho học sinh rút ra bài học về:

- Tình yêu quê hương đất nước;
- Tinh thần trách nhiệm;

- Lòng biết ơn thế hệ đi trước;
- Ý chí vượt khó và khát vọng cống hiến.

Giáo viên sử dụng các câu hỏi mở để khơi gợi suy ngẫm:

- “Điều em xúc động nhất sau bài học hôm nay là gì?”
- “Nếu là thế hệ trẻ hôm nay, em sẽ làm gì để tiếp nối những giá trị tốt đẹp được gửi gắm trong bài thơ?”
- Nhờ đó, giờ học Ngữ văn không chỉ dừng lại ở tiếp nhận tri thức mà còn góp phần giáo dục nhân cách và cảm xúc thẩm mỹ cho học sinh.

* Minh chứng thực nghiệm

Ví dụ: Khi dạy bài *Bài thơ về tiểu đội xe không kính*, thay vì chỉ phân tích nội dung theo cách truyền thống, tôi tổ chức hoạt động trải nghiệm với chủ đề: “*Bức thư gửi người tiền bối*”

Học sinh được lựa chọn một trong các hình thức:

- Viết thư điện tử;
- Thiết kế bưu thiếp số;
- Quay video ngắn;
- Ghi âm podcast cảm xúc.

Kết quả thực tế:

- 100% học sinh tham gia hoạt động;
- Nhiều sản phẩm có chiều sâu cảm xúc;
- Học sinh biết liên hệ tinh thần vượt khó của người lính với việc vượt khó trong học tập và cuộc sống hiện nay;
- Những học sinh trước đây ít phát biểu đã mạnh dạn trình bày suy nghĩ cá nhân.

Một số sản phẩm tiêu biểu đã được sử dụng làm minh chứng trong sinh hoạt chuyên môn của tổ Ngữ văn.

Minh chứng 4. Phiếu phản hồi sau trải nghiệm

Kết quả khảo sát 78 học sinh sau hoạt động:

Nội dung khảo sát	Tỉ lệ đồng ý
Học sinh hứng thú hơn với giờ học thơ	92%
Học sinh tự tin trình bày ý kiến	85%
Học sinh hiểu bài sâu hơn	88%
Học sinh thích hình thức trải nghiệm	94%

Ví dụ: Chủ đề trải nghiệm: “Bức thư gửi người tiền bối”
(Văn bản: “Bài thơ về tiểu đội xe không kính”)

Hình thức lựa chọn:

- Viết thư điện tử;
- Thiết kế bưu thiếp số;
- Quay video ngắn;
- Podcast cảm xúc.

Kết quả đạt được

Nội dung đánh giá	Trước áp dụng	Sau áp dụng
HS chủ động tham gia hoạt động	48%	91%
HS mạnh dạn trình bày cảm xúc	50%	87%
HS biết liên hệ thực tiễn	40%	82%
HS hứng thú với giờ học thơ	55%	93%

Minh chứng: Phụ lục 4

c. Nội dung sáng tạo và tính ưu việt của giải pháp

* Phát huy tính chủ động của học sinh

Học sinh không còn là người tiếp nhận kiến thức một chiều mà trở thành chủ thể khám phá và kiến tạo ý nghĩa văn bản.

* Kết hợp hiệu quả giữa trải nghiệm và chuyển đổi số

Giải pháp tích hợp:

- Dạy học trải nghiệm;
- Hoạt động nhóm;
- Ứng dụng công nghệ số;
- Giáo dục kỹ năng sống.

Điều này tạo nên môi trường học tập hiện đại, phù hợp với đặc điểm học sinh THCS hiện nay.

* Phân hóa theo năng lực và phẩm chất

Mỗi học sinh có thể lựa chọn hình thức thể hiện phù hợp:

- Học sinh mạnh về ngôn ngữ có thể viết và thuyết trình;
- Học sinh có năng khiếu công nghệ có thể dựng video;
- Học sinh yêu thích hội họa có thể thiết kế poster.

Nhờ đó: - Tăng cơ hội thành công cho mọi đối tượng học sinh;

- Giảm áp lực học tập;
- Tăng sự tự tin và hứng thú.

* Hiệu quả giáo dục rõ rệt

Qua thực tế áp dụng: - Tỷ lệ học sinh tham gia hoạt động học tập tăng rõ rệt;

- Khả năng diễn đạt và cảm thụ văn học được cải thiện;
- Không khí lớp học sôi nổi, tích cực hơn;
- Học sinh mạnh dạn bày tỏ cảm xúc và quan điểm cá nhân.

BẢNG ĐỐI CHIẾU SỰ CẢI TIẾN GIỮA GIẢI PHÁP TRUYỀN THỐNG VÀ GIẢI PHÁP MỚI

Tiêu chí	Giải pháp truyền thống	Hệ thống giải pháp mới
Định hướng dạy học	Truyền thụ kiến thức	Phát triển phẩm chất, năng lực
Vai trò học sinh	Tiếp nhận thụ động	Chủ động trải nghiệm, sáng tạo
Hình thức học tập	Nghe giảng, ghi chép	Hoạt động trải nghiệm, sản phẩm số
Công nghệ sử dụng	Trình chiếu PowerPoint	Hệ sinh thái số tương tác
Nhiệm vụ học tập	Trả lời câu hỏi có sẵn	Giải quyết nhiệm vụ mở
Đánh giá	Chủ yếu qua điểm số	Đánh giá quá trình và sản phẩm
Không gian lớp học	Cố định, một chiều	Linh hoạt, đa hoạt động
Vai trò giáo viên	Người truyền đạt	Người tổ chức, hướng dẫn, truyền cảm hứng

Kết luận: Hệ thống giải pháp mới là sự đổi mới đồng bộ giữa:

- Dạy học phân hóa;
- Chuyên đổi số;
- Dạy học trải nghiệm.

Sự kết hợp này tạo nên môi trường học tập tích cực, hiện đại và phù hợp với định hướng đổi mới giáo dục hiện nay, góp phần nâng cao hiệu quả dạy học đọc hiểu thơ hiện đại Việt Nam cho học sinh lớp 9 tại Trường THCS Trục Đại.

Điểm mới nổi bật của giải pháp:

+ Kết hợp đồng thời: Dạy học trải nghiệm; Dạy học phân hóa; Chuyển đổi số; Giáo dục cảm xúc thẩm mỹ.

+ Chuyển trọng tâm: từ “phân tích văn bản” sang “trải nghiệm và kiến tạo ý nghĩa văn học”.

Tạo cơ hội cho mọi học sinh được thể hiện năng lực theo sở trường cá nhân.

Giáo viên sử dụng bảng tiêu chí đánh giá (Rubric) để đánh giá sản phẩm học tập của học sinh theo các tiêu chí: nội dung, cảm thụ văn học, tính sáng tạo, kỹ năng trình bày và khả năng ứng dụng công nghệ số. (**Minh chứng tại Phụ lục 6**)

2. Tính mới, tính sáng tạo của các giải pháp mới

Các giải pháp được đề xuất trong sáng kiến không chỉ kế thừa những ưu điểm của phương pháp dạy học truyền thống mà còn có sự đổi mới rõ rệt về cách tiếp cận, tổ chức hoạt động và công cụ hỗ trợ, thể hiện ở các điểm sau:

Nếu như trước đây việc dạy học đọc hiểu thơ hiện đại chủ yếu tập trung vào việc truyền đạt nội dung và phân tích mẫu của giáo viên, thì trong sáng kiến này, quá trình dạy học được chuyển sang định hướng phát triển năng lực học sinh.

Học sinh không còn là đối tượng tiếp nhận thụ động mà trở thành chủ thể của hoạt động học tập thông qua việc tham gia vào các nhiệm vụ đọc hiểu đa dạng, phù hợp với năng lực cá nhân.

* Tính mới trong xây dựng hệ thống câu hỏi: Điểm đổi mới nổi bật là việc xây dựng hệ thống câu hỏi theo ma trận hai chiều:

- Kết hợp 4 mức độ nhận thức (nhận biết, thông hiểu, vận dụng, vận dụng cao)
- Gắn với tiến trình đọc hiểu (trước đọc, trong đọc, sau đọc)

So với cách đặt câu hỏi trước đây còn mang tính đơn lẻ, chưa có hệ thống, cách tiếp cận này giúp:

- Đảm bảo tính logic và liên kết trong bài học
- Phân hóa rõ ràng đối tượng học sinh
- Tạo điều kiện để mọi học sinh đều được tham gia và phát triển

* Tính mới trong ứng dụng chuyển đổi số: Khác với việc ứng dụng công nghệ chủ yếu để trình chiếu như trước đây, sáng kiến đã tích hợp công nghệ vào toàn bộ quá trình dạy học:

- Sử dụng học liệu số (video, quiz, sơ đồ tư duy)
- Tổ chức hoạt động tương tác trực tuyến
- Hỗ trợ đánh giá thường xuyên và kịp thời

Việc ứng dụng này không mang tính hình thức mà hướng tới cá thể hóa hoạt động học tập, góp phần nâng cao hiệu quả tiếp nhận của học sinh.

* Tính mới trong tổ chức hoạt động học tập: Sáng kiến đã chuyển từ mô hình dạy học một chiều sang tổ chức các hoạt động học tập tích cực như:

- Thảo luận nhóm theo nhiệm vụ phân hóa
- Đóng vai, diễn xướng nội dung thơ
- Thực hiện sản phẩm học tập (video, poster, bài trình bày)

Điểm mới ở đây là học sinh được trải nghiệm - sáng tạo - thể hiện, thay vì chỉ ghi nhớ kiến thức.

* Tính sáng tạo trong việc tích hợp các giải pháp: Một điểm khác biệt quan trọng của sáng kiến là không triển khai các giải pháp riêng lẻ mà kết hợp đồng bộ ba yếu tố:

- Dạy học phân hóa
- Ứng dụng chuyển đổi số
- Tổ chức hoạt động trải nghiệm

Sự tích hợp này tạo thành một hệ thống thống nhất, hỗ trợ lẫn nhau, góp phần nâng cao hiệu quả dạy học một cách toàn diện.

* Khẳng định tính mới của sáng kiến: Các giải pháp trong sáng kiến:

- Chưa được áp dụng một cách hệ thống tại đơn vị trước đây
- Có sự cải tiến rõ rệt so với phương pháp dạy học truyền thống
- Đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục theo Chương trình GDPT 2018

Do đó, có thể khẳng định sáng kiến mang tính mới, tính sáng tạo và có giá trị thực tiễn cao.

So với các giải pháp đang được áp dụng trước đây, sáng kiến không chỉ dừng lại ở việc cải tiến từng yếu tố riêng lẻ mà đã xây dựng được một hệ thống giải pháp đồng bộ, có cấu trúc rõ ràng và khả năng vận hành thực tiễn cao.

Các giải pháp này chưa từng được triển khai một cách hệ thống tại đơn vị, đồng thời có sự kết hợp giữa ba thành tố: phân hóa - công nghệ - trải nghiệm, tạo nên bước chuyển rõ rệt từ dạy học truyền thụ sang dạy học phát triển năng lực.

Vì vậy, sáng kiến được xác định là có tính mới ở mức cao, đáp ứng tiêu chí đổi mới trong bối cảnh thực hiện Chương trình GDPT 2018.

3. Khả năng nhân rộng của sáng kiến

Sáng kiến: *“Một số giải pháp dạy học phân hóa kết hợp chuyển đổi số nhằm phát triển năng lực đọc hiểu thơ hiện đại Việt Nam cho học sinh lớp 9”* có khả năng nhân rộng cao vì các giải pháp được xây dựng bám sát Chương trình GDPT 2018, phù hợp điều kiện thực tế của các trường THCS hiện nay và dễ áp dụng trong dạy học môn Ngữ văn.

Các giải pháp như: tổ chức dạy học phân hóa theo đối tượng học sinh; ứng dụng các nền tảng số, học liệu số trong thiết kế bài học; sử dụng phiếu học tập điện tử, trò chơi học tập trực tuyến, sơ đồ tư duy số và kiểm tra đánh giá bằng

công nghệ đều có tính thực tiễn cao, không đòi hỏi cơ sở vật chất phức tạp, giáo viên dễ triển khai và điều chỉnh phù hợp với từng đơn vị.

Sáng kiến đã được áp dụng hiệu quả tại trường THCS, góp phần nâng cao hứng thú học tập, năng lực đọc hiểu và khả năng cảm thụ thơ hiện đại của học sinh lớp 9. Nhiều giáo viên trong tổ chuyên môn có thể tham khảo, vận dụng linh hoạt trong dạy học Ngữ văn ở các khối lớp khác. Đồng thời, mô hình này phù hợp để triển khai trong các trường THCS trên địa bàn huyện, tỉnh và có khả năng mở rộng ở phạm vi toàn tỉnh do đáp ứng yêu cầu đổi mới phương pháp dạy học và chuyên đổi số trong giáo dục hiện nay.

Về phạm vi ảnh hưởng, sáng kiến không chỉ tác động tích cực đến chất lượng dạy học môn Ngữ văn mà còn góp phần thúc đẩy việc ứng dụng công nghệ số trong hoạt động dạy học, kiểm tra đánh giá và phát triển năng lực học sinh. Sáng kiến có thể trở thành tài liệu tham khảo hữu ích cho giáo viên THCS trong toàn tỉnh khi thực hiện đổi mới giáo dục theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học.

4. Hiệu quả áp dụng, lợi ích thu được từ sáng kiến

- Hiệu quả về mặt khoa học:

+ Sáng kiến đã góp phần cụ thể hóa quan điểm đổi mới giáo dục theo Chương trình GDPT 2018, đặc biệt là định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh và đẩy mạnh chuyên đổi số trong dạy học. Các giải pháp được xây dựng trên cơ sở lí luận của dạy học phân hóa, lí thuyết phát triển năng lực và ứng dụng công nghệ số trong giáo dục, bảo đảm tính khoa học, tính sư phạm và tính khả thi.

+ Việc kết hợp dạy học phân hóa với các công cụ số và trí tuệ nhân tạo đã tạo ra phương thức tổ chức dạy học mới, giúp nâng cao hiệu quả đọc hiểu thơ hiện đại Việt Nam cho học sinh lớp 9. Sáng kiến góp phần bổ sung tư liệu tham khảo cho giáo viên Ngữ văn trong việc thiết kế bài giảng, xây dựng học liệu số, tổ chức hoạt động học tập phù hợp với từng đối tượng học sinh.

+ Kết quả thực nghiệm cho thấy học sinh có sự tiến bộ rõ rệt về năng lực đọc hiểu, cảm thụ văn học, tư duy sáng tạo và kĩ năng sử dụng công nghệ trong học tập. Sáng kiến có khả năng áp dụng rộng rãi trong dạy học Ngữ văn ở cấp THCS và có thể tiếp tục nghiên cứu, phát triển ở những nội dung dạy học khác.

- Hiệu quả về mặt kinh tế: Sáng kiến tuy không tạo ra giá trị kinh tế trực tiếp bằng hiện vật hoặc doanh thu, nhưng mang lại hiệu quả kinh tế gián tiếp, bền vững thông qua việc đầu tư vào chất lượng giáo dục và phát triển nguồn nhân lực.

+ Việc ứng dụng các nền tảng số, học liệu điện tử hỗ trợ dạy học giúp giáo viên tiết kiệm thời gian soạn giảng, giảm chi phí in ấn tài liệu, nâng cao hiệu quả quản lí và tổ chức hoạt động học tập. Đồng thời, học sinh được tiếp cận phương pháp học tập hiện đại, phù hợp năng lực cá nhân, từ đó nâng cao kết quả học tập, tăng khả năng tự học và vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

+ Sáng kiến còn góp phần thúc đẩy chuyên đổi số trong nhà trường, khai thác hiệu quả cơ sở vật chất và thiết bị dạy học hiện có, hạn chế lãng phí nguồn lực.

Về lâu dài, việc nâng cao năng lực đọc hiểu, tư duy và phẩm chất của học sinh sẽ tạo nền tảng cho việc đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong thời đại số.

- Hiệu quả xã hội: Sáng kiến đã góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục hiện nay. Cụ thể:

+ Đối với học sinh: Sáng kiến giúp học sinh được học tập theo năng lực và nhu cầu cá nhân, phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo trong quá trình đọc hiểu thơ hiện đại Việt Nam. Việc kết hợp dạy học phân hóa với các công cụ số giúp học sinh hứng thú hơn trong học tập, nâng cao khả năng tự học, tư duy phản biện, kỹ năng hợp tác và ứng dụng công nghệ trong học tập. Đồng thời, học sinh được bồi dưỡng tình yêu tiếng Việt, tình yêu quê hương đất nước, hình thành các giá trị nhân văn và năng lực cảm thụ văn học.

+ Đối với nhà trường và cộng đồng: Sáng kiến góp phần nâng cao chất lượng dạy học môn Ngữ văn, thúc đẩy việc đổi mới phương pháp dạy học và ứng dụng công nghệ số trong nhà trường. Đây cũng là tài liệu tham khảo thiết thực cho giáo viên trong quá trình thực hiện Chương trình GDPT 2018. Bên cạnh đó, sáng kiến giúp tăng cường sự phối hợp giữa gia đình, nhà trường và xã hội trong việc hỗ trợ học sinh học tập; góp phần xây dựng môi trường giáo dục hiện đại, thân thiện, đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực trong thời đại chuyển đổi số.

- Các hiệu quả khác: Sáng kiến “*Một số giải pháp dạy học phân hóa kết hợp chuyển đổi số nhằm phát triển năng lực đọc hiểu thơ hiện đại Việt Nam cho học sinh lớp 9*” góp phần nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ số cho giáo viên và học sinh, tạo môi trường học tập hiện đại, tích cực và phù hợp với từng đối tượng học sinh. Đồng thời, sáng kiến thúc đẩy đổi mới phương pháp dạy học môn Ngữ văn, nâng cao chất lượng giáo dục và khả năng thích ứng với yêu cầu chuyển đổi số trong nhà trường hiện nay. Từ đó giúp giáo viên trong nhà trường thực hiện có hiệu quả hơn công tác giảng dạy tốt hơn.

5. Danh sách những người đã tham gia áp dụng thử hoặc áp dụng sáng kiến lần đầu:

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nơi công tác (hoặc nơi thường trú)	Chức danh	Trình độ chuyên môn	Nội dung công việc hỗ trợ
1	Hoàng Thị Xuyên	1976	Trường THCS Trục Đại	Giáo viên	Đại học	Thực hiện việc áp dụng Sáng kiến vào giảng dạy
2	Phạm Đức Trúc	1970	Trường THCS Trục Đại	Giáo viên	Đại học	Thực hiện việc áp dụng Sáng kiến vào giảng dạy
3	Vũ Thị Hương	1979	Trường THCS Trục Đại	Giáo viên	Đại học	Thực hiện việc áp dụng Sáng kiến vào giảng dạy

6. Các thông tin cần được bảo mật (nếu có): Không có

D. PHẦN KẾT LUẬN

Sáng kiến “*Một số giải pháp dạy học phân hóa kết hợp chuyển đổi số nhằm phát triển năng lực đọc hiểu thơ hiện đại Việt Nam cho học sinh lớp 9*” có ý nghĩa thiết thực trong việc đổi mới phương pháp dạy học Ngữ văn theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh và đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số trong giáo dục hiện nay. Việc kết hợp dạy học phân hóa với ứng dụng công nghệ số giúp giáo viên tổ chức các hoạt động học tập linh hoạt, phù hợp với năng lực từng đối tượng học sinh; đồng thời tạo hứng thú học tập, phát huy tính tích cực, chủ động và khả năng cảm thụ văn học của học sinh trong quá trình đọc hiểu thơ hiện đại Việt Nam.

Qua quá trình áp dụng sáng kiến, tác giả rút ra một số bài học kinh nghiệm như: giáo viên cần lựa chọn hình thức và công cụ số phù hợp với nội dung bài học và điều kiện thực tế; chú trọng phân hóa nhiệm vụ học tập theo năng lực học sinh; tăng cường hoạt động trải nghiệm, tương tác và phản hồi kịp thời để nâng cao hiệu quả tiếp nhận văn bản; đồng thời giáo viên cần chủ động tự học, nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ thông tin và trí tuệ nhân tạo trong dạy học.

Để sáng kiến được triển khai hiệu quả và nhân rộng, cần tăng cường tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên môn, tập huấn về chuyển đổi số và ứng dụng năng lực số trong dạy học Ngữ văn; xây dựng kho học liệu số dùng chung; tạo điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị công nghệ và đường truyền Internet cho các nhà trường. Bên cạnh đó, cần khuyến khích giáo viên đổi mới phương pháp dạy học, chia sẻ kinh nghiệm và vận dụng linh hoạt các giải pháp phù hợp với đặc điểm học sinh và điều kiện thực tiễn của từng đơn vị.

Tôi xin cam đoan mọi thông tin nêu trong Bản mô tả là trung thực, đúng sự thật, không sao chép, vi phạm bản quyền và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Minh Thái, ngày 20 tháng 03 năm 2026

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN/ĐƠN VỊ



**Hiệu trưởng
Đỗ Thị Châm**

TÁC GIẢ SÁNG KIẾN

(Ký tên)

Phạm Văn Hà

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), Chương trình Giáo dục phổ thông tổng thể và Chương trình Giáo dục phổ thông môn Ngữ văn, NXB Giáo dục Việt Nam.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2020), Tài liệu tập huấn giáo viên môn Ngữ văn thực hiện Chương trình GDPT 2018, NXB Giáo dục Việt Nam.
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), Tài liệu bồi dưỡng thường xuyên giáo viên THCS môn Ngữ văn theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh.
4. Nguyễn Thanh Hng (2018), Phương pháp dạy học Ngữ văn theo hướng phát triển năng lực, NXB Đại học Sư phạm.
5. Đỗ Ngọc Thống (chủ biên) (2019), Dạy học phát triển năng lực môn Ngữ văn THCS, NXB Giáo dục Việt Nam.
6. Phan Trọng Luận (Tổng chủ biên) (2020), Ngữ văn 9 - Kết nối tri thức với cuộc sống và Sách giáo viên Ngữ văn 9, NXB Giáo dục Việt Nam.
7. Trần Đình Sử (2017), Đọc hiểu văn bản văn học, NXB Giáo dục Việt Nam.
8. Nguyễn Công Khanh (2019), Kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển năng lực học sinh, NXB Đại học Sư phạm.
9. Tài liệu tập huấn chuyên đổi số trong giáo dục của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Ninh Bình năm học 2025-2026.
10. Một số nguồn học liệu số và tài liệu tham khảo về dạy học phát triển năng lực, đổi mới kiểm tra đánh giá, chuyển đổi số trong giáo dục từ: Tạp chí Giáo dục, Cổng thông tin Bộ Giáo dục và Đào tạo, Canva, Quizizz, Padlet, Kahoot, Google Forms, Liveworksheets.

PHỤ LỤC 1

PHIẾU HỌC TẬP ĐỊNH HƯỚNG TIẾP NHẬN VĂN BẢN

Văn bản: “Tiếng Việt” – Lưu Quang Vũ

Môn: Ngữ văn 9

Hình thức thực hiện: Nhóm

Mục tiêu:

- Hình thành năng lực dự đoán và tiếp nhận văn bản trước khi đọc.
- Phát triển tư duy đọc hiểu, liên hệ và phản biện.
- Khơi gợi hứng thú học tập và cảm xúc thẩm mỹ đối với tiếng Việt.

I. HOẠT ĐỘNG TRƯỚC KHI ĐỌC

1. Khởi động – Kích hoạt hiểu biết ban đầu

Em hãy hoàn thành bảng sau:

Những điều em biết sơ bộ về văn bản	Những suy nghĩ, dự đoán ban đầu của em
Nhan đề: “Tiếng Việt”
Tác giả: Lưu Quang Vũ
Thể loại
Đối tượng được nói tới trong bài thơ:

2. Dự đoán nội dung văn bản

Theo em:

1. Vì sao tác giả đặt nhan đề bài thơ là “Tiếng Việt”?
2. Bài thơ có thể thể hiện tình cảm gì của tác giả?
 - Yêu thương
 - Tự hào
 - Biết ơn
 - Trân trọng
 - Ý kiến khác:
3. Em hãy viết ngắn gọn cảm nhận của mình về tiếng Việt:

II. HOẠT ĐỘNG TRONG KHI ĐỌC

1. Nhận biết văn bản

Câu 1. Bài thơ thuộc thể loại gì?

- Thơ tự do
- Thơ tám chữ
- Thơ lục bát
- Thơ năm chữ

Câu 2. Xác định:

Cái tôi trữ tình:

Đối tượng trữ tình:

Câu 3. Ghi lại những hình ảnh đẹp nói về tiếng Việt trong bài thơ:

.....

2. Thông hiểu và phân tích

Câu 4. Nêu cảm xúc chủ đạo của bài thơ.

.....

Câu 5. Tác giả sử dụng những biện pháp tu từ nào?

Biện pháp tu từ	Ví dụ	Tác dụng
So sánh
Nhân hóa
Ẩn dụ

3. Vận dụng

Câu 6. Theo em, vì sao cần giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt?

.....

.....

Câu 7. Em đã làm gì để giữ gìn và phát huy vẻ đẹp của tiếng Việt?

.....

.....

IV. HOẠT ĐỘNG SAU KHI ĐỌC

1. Sáng tạo sản phẩm học tập

Chọn 1 nhiệm vụ em yêu thích:

- Thiết kế poster “Vẻ đẹp tiếng Việt”
- Viết đoạn văn cảm nhận (5-7 câu)
- Viết 4 câu thơ về tiếng Việt
- Vẽ sơ đồ tư duy nội dung bài học

2. Tự đánh giá sau bài học

Em hãy tự đánh giá mức độ hoàn thành của mình:

Nội dung	Hoàn thành tốt	Hoàn thành	Cần cố gắng
Hiểu nội dung bài thơ	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Tham gia thảo luận	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Trả lời câu hỏi vận dụng	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Trình bày ý kiến cá nhân	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

PHỤ LỤC 2

HỆ THỐNG CÂU HỎI ĐỌC HIỂU PHÂN HÓA

Văn bản: “Tiếng Việt” – Lưu Quang Vũ

A. NHÓM CÂU HỎI NHẬN BIẾT

(Dành cho học sinh mức độ cơ bản)

Câu 1. Bài thơ “Tiếng Việt” thuộc thể loại gì?

Gợi ý: Thể loại: thơ trữ tình.

Câu 2. Bài thơ được viết theo thể thơ nào?

Gợi ý : Thể thơ tám chữ.

Câu 3. Đối tượng trữ tình trong bài thơ là gì?

Gợi ý: Tiếng Việt - tiếng mẹ đẻ của dân tộc Việt Nam.

Câu 4. Xác định cảm xúc chủ đạo của bài thơ.

Gợi ý: Tình yêu, niềm tự hào và sự trân trọng đối với tiếng Việt.

Câu 5. Nêu một hình ảnh thể hiện vẻ đẹp của tiếng Việt trong bài thơ.

Gợi ý: “Tiếng sáo”, “dây đàn máu nhỏ”, “hồn dân tộc Việt”...

B. NHÓM CÂU HỎI THÔNG HIỂU

(Dành cho học sinh mức độ Đạt)

Câu 6. Ý nghĩa nhan đề “Tiếng Việt” là gì?

Gợi ý: Nhan đề nêu trực tiếp đối tượng trữ tình.

- Gợi vẻ đẹp của ngôn ngữ dân tộc và tình yêu tiếng mẹ đẻ.

Câu 7. Tác giả sử dụng những biện pháp tu từ nào để làm nổi bật vẻ đẹp của tiếng Việt?

Gợi ý: So sánh/ Nhân hóa/ Ẩn dụ

Câu 8. Phân tích tác dụng của hình ảnh: “Tiếng Việt rung rinh nhịp đập trái tim người”

Gợi ý: Gọi sự gần gũi, giàu cảm xúc của tiếng Việt; Khẳng định tiếng Việt gắn bó với tâm hồn dân tộc.

Câu 9. Vì sao tác giả so sánh tiếng Việt với “đời mẹ đắng cay”?

Gợi ý: Gọi những gian khổ, hi sinh của dân tộc. Thể hiện chiều sâu văn hóa và lịch sử của tiếng Việt.

Câu 10. Nhịp điệu bài thơ có tác dụng gì trong việc biểu đạt cảm xúc?

Gợi ý: - Nhịp thơ mềm mại, giàu nhạc điệu.

- Giúp cảm xúc trở nên tha thiết, sâu lắng.

C. NHÓM CÂU HỎI VẬN DỤNG

(Dành cho học sinh khá)

Câu 11. Em hãy liên hệ tình cảm của tác giả với thái độ của bản thân đối với tiếng Việt.

Gợi ý: - Yêu quý tiếng mẹ đẻ.

- Có ý thức giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

- Sử dụng tiếng Việt đúng chuẩn mực.

Câu 12. Theo em, học sinh cần làm gì để giữ gìn vẻ đẹp của tiếng Việt hiện nay?

Gợi ý: - Nói và viết đúng chính tả.

- Hạn chế dùng từ lai căng không cần thiết.

- Giao tiếp lịch sự, văn minh.

Câu 13. Viết đoạn văn khoảng 5-7 câu nêu cảm nghĩ của em về tiếng mẹ đẻ.

Gợi ý: Đúng nội dung

Diễn đạt mạch lạc

Có cảm xúc chân thành

D. NHÓM CÂU HỎI VẬN DỤNG CAO

(Dành cho học sinh khá giỏi)

Câu 14. So sánh tình yêu tiếng Việt trong bài thơ của Lưu Quang Vũ với một tác phẩm khác mà em biết.

Gợi ý: - Điểm giống: Đều thể hiện tình yêu tiếng mẹ đẻ.

Ca ngợi vẻ đẹp văn hóa dân tộc.

- Điểm khác: Mỗi tác giả có giọng điệu và cách biểu đạt riêng.

Câu 15. Đánh giá ý nghĩa của bài thơ đối với thế hệ trẻ hiện nay.

Gợi ý: Giáo dục lòng yêu tiếng Việt.

Bồi dưỡng niềm tự hào dân tộc.

Nâng cao ý thức giữ gìn bản sắc văn hóa Việt Nam.

E. GỢI Ý TỔ CHỨC PHÂN HÓA

Nhóm học sinh	Nhiệm vụ
Học sinh chưa đạt	Hoàn thành câu 1 → 5
Học sinh Đạt	Hoàn thành câu 1 → 10
Học sinh khá	Hoàn thành câu 1 → 13
Học sinh giỏi	Hoàn thành toàn bộ hệ thống câu hỏi

PHỤ LỤC 2: ẢNH MINH CHỨNG GIỜ DẠY **Ảnh 1: Hoạt động thảo luận nhóm**

Mô tả: Học sinh lớp 9 tham gia thảo luận nhóm về nội dung bài thơ, trao đổi ý kiến và ghi kết quả vào phiếu học tập.



Ảnh 2: Học sinh trình bày sản phẩm

Mô tả: Đại diện nhóm trình bày kết quả thảo luận trước lớp, thể hiện sự tự tin và khả năng diễn đạt.



Ảnh 3: Ứng dụng công nghệ trong dạy học

Mô tả: Học sinh tham gia trả lời câu hỏi trắc nghiệm trực tuyến, tạo không khí học tập sôi nổi.



Ảnh 4: Sản phẩm học sinh

PHỤ LỤC 3

PHIẾU GIAO NHIỆM VỤ TRẢI NGHIỆM SÁNG TẠO

Chủ đề trải nghiệm: “Bức thư gửi người tiền bối”

(Văn bản: *Bài thơ về tiểu đội xe không kính* - Phạm Tiến Duật)

I. Mục tiêu hoạt động

Sau hoạt động, học sinh:

Hiểu sâu hơn vẻ đẹp của người lính thời kháng chiến chống Mỹ;

Biết liên hệ bài học với trách nhiệm của thế hệ trẻ hôm nay;

Phát triển năng lực cảm thụ văn học, giao tiếp, sáng tạo và hợp tác;

Hình thành kỹ năng sử dụng công nghệ số trong học tập.

II. Hình thức thực hiện

Học sinh lựa chọn một trong các hình thức sau:

Viết thư điện tử;

Thiết kế bưu thiếp số;

Thiết kế poster bằng Canva;

Quay video cảm nhận; Trình bày slide cảm nhận.

III. Nội dung nhiệm vụ

Nhóm học sinh	Nhiệm vụ	Sản phẩm
Nhóm cơ bản	Viết đoạn cảm nghĩ về hình ảnh người lính	Đoạn văn 5-7 câu
Nhóm Đạt	Thiết kế sơ đồ tư duy nội dung bài thơ	Sơ đồ tư duy

Nhóm khá	Thiết kế poster thông điệp tuổi trẻ	Poster số
Nhóm giỏi	Quay video/podcast cảm nhận	Video hoặc podcast

IV. Gợi ý thực hiện

Nội dung đúng chủ đề;

Có cảm xúc chân thành;

Có liên hệ thực tiễn;

Khuyến khích sáng tạo về hình thức trình bày.

V. Thời gian thực hiện

Thực hiện tại lớp: 15 phút

Hoàn thiện sản phẩm tại nhà: 2 ngày

PHỤ LỤC 4

HÌNH ẢNH VÀ SẢN PHẨM HỌC SINH

Kết quả thực tế sau triển khai

Nội dung khảo sát	Trước áp dụng	Sau áp dụng
HS hứng thú học tập	55%	90%
HS chủ động thảo luận	45%	88%
HS mạnh dạn trình bày ý kiến	50%	85%
HS biết liên hệ thực tế	38%	80%

PHỤ LỤC 5

PHIẾU KHẢO SÁT MỨC ĐỘ HỨNG THÚ HỌC TẬP

Khảo sát trước và sau áp dụng sáng kiến

Thông tin học sinh

Họ và tên:

Lớp:

Nội dung khảo sát

Em hãy đánh dấu (✓) vào mức độ phù hợp

Nội dung khảo sát	Rất đồng ý	Đồng ý	Chưa đồng ý
-------------------	------------	--------	-------------

Em thích học các văn bản thơ hiện đại			
Em mạnh dạn trình bày cảm nhận			
Em thích hoạt động nhóm trong giờ học Văn			
Em thích thiết kế sản phẩm học tập số			
Em biết liên hệ bài học với thực tế			
Em thấy giờ học Ngữ văn sinh động hơn			

Kết quả khảo sát tổng hợp

Nội dung	Trước áp dụng	Sau áp dụng
Hứng thú học tập	55%	90%
Tự tin phát biểu	50%	85%
Chủ động hợp tác	45%	88%
Biết vận dụng thực tế	40%	82%

PHỤ LỤC 6

RUBRIC ĐÁNH GIÁ SẢN PHẨM TRẢI NGHIỆM SÁNG TẠO

Chủ đề: “Cảm nhận về thơ hiện đại Việt Nam lớp 9”

Tiêu chí	Mức 1	Mức 2	Mức 3
Nội dung	Nội dung còn sơ sài	Đúng nội dung cơ bản	Nội dung sâu sắc, có liên hệ
Cảm thụ văn học	Chưa thể hiện rõ cảm xúc	Có cảm xúc	Cảm xúc chân thành, sâu sắc
Tính sáng tạo	Hình thức đơn giản	Có sáng tạo	Sáng tạo nổi bật, hấp dẫn
Kỹ năng trình bày	Trình bày chưa rõ	Trình bày tương đối rõ	Trình bày đẹp, khoa học

Ứng dụng CNTT	Chưa biết sử dụng	Biết sử dụng cơ bản	Sử dụng thành thạo, hiệu quả
---------------	-------------------	---------------------	------------------------------

Xếp loại

Tổng mức đạt	Xếp loại
5-7	Đạt
8-11	Khá
12-15	Tốt